

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2020/DS-PT

Ngày: 28/8/2020

V/v: tranh chấp “chia tài sản
chung là quyền sử dụng đất của
hộ gia đình và chia di sản thừa
kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 697/17 Bùi Đình T, phường 12, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy ủy quyền ngày 05/05/2017 (có mặt)

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1966 (có mặt);
Địa chỉ: Cà Đú, Khánh H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 3.3. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1967 (có mặt);
- 3.4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1971 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- 3.5. Ông Nguyễn Hữu H4, sinh năm: 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- 3.6. Bà Huỳnh Thị H5, sinh năm: 1959 (có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- 3.7. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1961 (có mặt);
Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- 3.8. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1963 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu H2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Cụ Nguyễn Hữu B, sinh năm 1937 và cụ Đỗ Thị E, sinh năm 1940 có các con chung: ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu H2, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4. Các cụ không có con riêng, không có con nuôi. Cụ Đỗ Thị E chết năm 2014, cụ Nguyễn Hữu B chết năm 2016. Khi chết, các cụ không để lại di chúc.

Hộ gia đình cụ Nguyễn Hữu B được Hợp tác xã giao khoán thửa đất số 581, tờ bản đồ số 2 phường P, diện tích 2.672m² tọa lạc tại khu phố 2, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Cụ Nguyễn Hữu B đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Phan Rang – Tháp Chàm cấp GCNQSDĐ ngày 03/12/1993. Năm 2015, Nhà nước thu hồi 624,3m² đất để làm đê sông Dinh.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H1 trình bày:

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế và chia tài sản chung theo quy định của pháp luật thừa đất số 581, tờ bản đồ số 2 phường Phũ Hà theo GCNQSDĐ số G 60029 ngày 03/12/1993 cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu B, đất tọa lạc tại khu phố 2 phường Phũ Hà. Ông yêu cầu được nhận phần của mình bằng đất. Ông không thừa nhận giấy tặng cho đất của cụ Nguyễn Hữu B và cụ Đỗ Thị E do ông Nguyễn Hữu H2 cung cấp.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H2 trình bày:

Ông cùng vợ là bà Huỳnh Thị H5 quản lý, sử dụng thửa đất số 127 từ năm 1995 đến nay, đã khai hoang thêm một phần đất và xây dựng nhà ở trên phần đất

khai hoang. Cha mẹ đã cho vợ chồng ông diện tích đất 1.300m² ở phía Bắc thửa đất nhận khoán theo giấy tặng cho ngày 20/9/2013.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1, ông xin nhận 1.300m² đất trong tổng diện tích đất của cha mẹ vì xem như cha mẹ đã cho ông. Tuy nhiên, nếu giấy tờ cho này không phù hợp pháp luật, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ông yêu cầu bồi thường trị giá tài sản trên đất nếu phần đất ông đang quản lý được chia. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét công sức cho ông số tiền công do ông đã tôn tạo, giữ gìn tài sản từ năm 1995 đến nay là 12.000.000^d.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H5 trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Hữu H2, hiện đang sống chung cùng với ông H2 tại khu phố 2, phường Phú Hà. Bà đồng ý với ý kiến của ông H2.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T (do ông Nguyễn Hữu H1 làm người đại diện), bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được nhận phần của mình bằng hiện vật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 109, Điều 467 Bộ luật dân sự 2005; Điều 649, Điều 650 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

1. Ông Nguyễn Hữu H1 được chia và có quyền sử dụng thửa 156 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m² và có quyền sử dụng lối đi chung 154m². Vị trí tứ cận thửa đất 156: Đông giáp lối đi chung; Tây giáp thửa 60; Nam giáp thửa 158; Bắc giáp Đê bờ Bắc sông Dinh.

2. Bà Nguyễn Thị Ph được chia và có quyền sử dụng thửa 157 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m² và có quyền sử dụng lối đi chung 154m².

Vị trí tứ cận thửa đất 157: Đông giáp thửa 86; Tây giáp lối đi chung; Nam giáp thửa 159; Bắc giáp Đê Bờ Bắc sông Dinh.

3. Ông Nguyễn Hữu T được chia và có quyền sử dụng thửa 158 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m² và có quyền sử dụng lối đi chung 154m².

Vị trí tứ cận thửa đất 158:Đông giáp lối đi chung; Tây giáp thửa 60; Nam giáp bãi bồi sông Dinh; Bắc giáp thửa 156.

4. Ông Nguyễn Hữu Th được chia và có quyền sử dụng thửa 159 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m² và có quyền sử dụng lối đi chung 154m².

Vị trí tứ cận thửa đất 159:Đông giáp thửa 86; Tây giáp lối đi chung; Nam giáp bãi bồi sông Dinh; Bắc giáp thửa 157.

5. Ông Nguyễn Hữu H4 được chia và có quyền sử dụng thửa 160 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất:Đông giáp thửa 161; Tây giáp thửa 38; Nam giáp Đê Bờ Bắc sông Dinh; Bắc giáp thửa 164.

Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H4 65.142.000^d (*Sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai ngàn đồng*). Ông Nguyễn Hữu H4 có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40, trụ bê tông, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây, dừa thu hoạch 01 cây, 01 cây sưa, đu đủ thu hoạch 02 cây, chuối thu hoạch 06 cây.

6. Bà Nguyễn Thị Ng được chia và có quyền sử dụng thửa 161 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100 m²

Vị trí tứ cận thửa đất: Đông giáp thửa 162; Tây giáp thửa 160; Nam giáp Đê Bờ Bắc sông Dinh; Bắc giáp thửa 164.

Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ng 73.205.000^d (*Bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị Ng có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây, dừa thu hoạch 02 cây.

7. Bà Nguyễn Thị H được chia và có quyền sử dụng thửa 162 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất:Đông giáp thửa 163; Tây giáp thửa 161; Nam giáp Đê Bờ Bắc sông Dinh; Bắc giáp thửa 164.

Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 72.315.000^d (*Bảy mươi hai triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị H có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40, dừa thu hoạch 02 cây, đu đủ thu hoạch 01 cây, 01 cây sưa, thanh long 04 cây/01 trụ, măng cầu ta 03 cây.

8. Bà Nguyễn Thị Nh được chia và có quyền sử dụng thửa 163 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất: Đông giáp thửa 85; Tây giáp thửa 162; Nam giáp Đê Bờ Bắc sông Dinh; Bắc giáp thửa 164.

Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh 12.893.000^d (*Mười hai triệu tám trăm chín mươi ba ngàn đồng*). Bà Nguyễn Thị Nh có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: trụ bê tông (05 trụ), dừa thu hoạch 02 cây, chuối thu hoạch 02 cây, trúc, tre 12 cây, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây.

Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh 14.475.000^d (*Mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

9. Ông Nguyễn Hữu H2 được chia và có quyền sử dụng thửa 164 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 428m², trong đó có 12m² trị giá 12.000.000^d là tiền công chăm sóc tôn tạo thửa đất. Ông Nguyễn Hữu H2 và bà Huỳnh Thị H5 có quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất.

Vị trí tứ cận thửa đất: Đông giáp thửa 85 và 30; Tây giáp thửa 38; Nam giáp thửa 160, 161, 162, 163; Bắc giáp đường đi.

(Đính kèm bản án Trích lục bản đồ địa chính các thửa đất)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí định giá, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Tại Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/TB – TA ngày 16/12/2019 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 04/TB – TA ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đã sửa chữa, bổ sung bản án như sau: Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H4 70.802.000^d (*Bảy mươi triệu tám trăm lẻ hai ngàn đồng*); Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh 14.750.000^d (*Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngày 06/12/2019, ông Nguyễn Hữu H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H1 và công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Hữu B, cụ Đỗ Thị E và ông Nguyễn Hữu H2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, ông H2 thay đổi nội dung kháng cáo, ông xác định ông kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B, cụ E với ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đồng ý với việc phân chia tài sản chung, chia di sản thừa kế với điều kiện ông không phải hoàn trả số tiền chênh lệch tài sản cho các ông bà Ng, H3, Nh,

H4 như án sơ thẩm tuyên. Các đương sự bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 đồng ý không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H2 phải thanh toán số tiền mà ông Hoàng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ng, bà H3, bà Nh, ông H4 như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đồng ý nhận phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo bản án sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 đồng ý không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H2 phải thanh toán số tiền mà ông Hoàng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ng, bà H3, bà Nh, ông H4. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nói trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H2 nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm; Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình và chia di sản thừa kế*” là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Hữu B, cụ Đỗ Thị E và ông Nguyễn Hữu H2.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận: Hộ gia đình cụ Nguyễn Hữu B được Hợp tác xã giao khoán thửa đất số 581, tờ bản đồ số 2 phường Phủ Hà, diện tích 2.672m² tọa lạc tại khu phố 2, phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận và đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C600129 ngày 03/12/1993. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận khoán trong hộ gồm: Cụ Nguyễn Hữu B, sinh năm 1937 và cụ Đỗ Thị E, sinh

năm 1940 và các con chung: ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu H2, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 nên đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Năm 2015, nhà nước thu hồi 624,3m² đất để làm đê sông Dinh; Hiện nay thửa 581 được tách thành các thửa 156, 157, 158, 159 (ông H1 đang quản lý, sử dụng) và thửa 160, 161, 162, 163, 164 (ông H2 đang quản lý, sử dụng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C600129 cấp ngày 03/12/1993 do bà Nguyễn Thị Nh cất giữ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quyền sử dụng đất thửa 581, tờ bản đồ số 02 là tài sản thuộc sở hữu chung theo phần của các thành viên trong hộ gia đình, do đó chủ sở hữu chung theo phần có quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thuộc sở hữu chung tương ứng với phần thuộc quyền sở hữu của mình. Việc tặng cho quyền sử dụng đất của ông B, Bà E với ông H2 đã vi phạm quyền định đoạt tài sản chung; ông H chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và khi nhà nước thu hồi đất thì ông Nguyễn Hữu B là người nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất ông H2 đang sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa do bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hữu H4 tự nguyện đồng ý không buộc ông Nguyễn Hữu H2 phải thanh toán cho các ông bà số tiền mà ông H2 có nghĩa vụ hoàn trả, cụ thể: hoàn trả bà Ng 73.205.000^d, hoàn trả bà H3 72.315.000^d, hoàn trả bà Nh 12.893.000^d, hoàn trả ông H4 70.811.000^d và ông H2 đồng ý bản án sơ thẩm đã phân chia và không có yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với phần diện tích đất đã phân chia cho các đồng thừa kế khác, do không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm về thủ tục tố tụng, nội dung như sau:

[4.1] Tại phiên tòa ngày 20/9/2019, Hội đồng xét xử sơ thẩm ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/20219/QĐST-DS do nguyên đơn có yêu cầu định giá lại tài sản và các đương sự thỏa thuận mở lối đi chung rộng 2m² đối với phần diện tích đất được chia. Đến ngày 19/11/2019, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về việc mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/11/2019. Căn cứ vào khoản 2 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 01 tháng. Như vậy, trong trường hợp này, hết thời hạn tạm ngưng phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm phải ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, khi lý do tạm đình chỉ không còn thì ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và ra thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm

không ban hành các quyết định tạm đình chỉ, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài ra, tại biên bản nghị án ngày 23/11/2019, Hội đồng xét xử sơ thẩm không thể hiện nội dung nghị án về phần án phí dân sự sơ thẩm như bản án đã tuyên. Tuy nhiên, các đương sự không có khiếu nại gì về vi phạm nêu trên, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4.2]. Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Hữu H1 phải chịu 8.750.000^d án phí dân sự sơ thẩm nhưng không khấu trừ số tiền 455.000^d tạm ứng án phí ông H1 đã nộp là thiếu sót. **Tại phần nhận định xác định ông H4 trả cho ông H2 giá trị tài sản trên đất là 4.198.000^d, tuy nhiên theo bên bản định giá ngày 24/5/2019 tài sản trên đất giao cho ông H4 có giá trị 4.189.000^d; cần trừ nghĩa vụ tài sản trên đất ông H2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông H4 70.811.000^d; Đồng thời xác định chi phí tố tụng 4.708.000^d nhưng chia buộc mỗi người hoàn trả cho ông H1 530.000^d là không đúng, do đó cấp phúc thẩm cần sửa án tuyên lại cho chính xác.**

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

ông Nguyễn Hữu H1, Bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 mỗi người phải chịu 8.750.000^d án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần tài sản được chia.

Ông Nguyễn Hữu H2 và ông Nguyễn Hữu T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Ông H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Khoản 2, khoản 5 điều 26, điều 147, điều 148, điều 270, điều 284, điều 293, điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 209, điều 212, điều 649, điều 650, điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm b khoản 2 điều 27, điều 29 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H1 đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H2 về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

1. Chia cho Ông Nguyễn Hữu H1 quyền sử dụng thửa 156 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m²

Vị trí tứ cận:

Đông giáp lối đi chung;

Tây giáp thửa 60;

Nam giáp thửa 158;

Bắc giáp đê bờ bắc sông Dinh.

2. Chia cho Bà Nguyễn Thị Ph quyền sử dụng thửa 157 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m²

Vị trí tứ cận:

Đông giáp thửa 86;

Tây giáp lối đi chung;

Nam giáp thửa 159;

Bắc giáp đê bờ bắc sông Dinh.

3. Chia cho Ông Nguyễn Hữu T quyền sử dụng thửa 158 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m²

Vị trí tứ cận :

Đông giáp lối đi chung;

Tây giáp thửa 60;

Nam giáp bãi bồi sông Dinh;

Bắc giáp thửa 156.

4. Chia cho Ông Nguyễn Hữu Th quyền sử dụng thửa 159 (tách ra từ thửa số 128) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 341m² và có quyền sử dụng lối đi chung 154m².

Vị trí tứ cận:

Đông giáp thửa 86;

Tây giáp lối đi chung;

Nam giáp bãi bồi sông Dinh;

Bắc giáp thửa 157.

Ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng chung lối đi có diện tích 154m² giữa các thửa đất 156, 157, 158, 159(có trích lục kèm theo).

5. Chia cho Ông Nguyễn Hữu H4 quyền sử dụng thửa 160 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất:

Đông giáp thửa 161;

Tây giáp thửa 38;
Nam giáp đê bờ bắc sông Dinh;
Bắc giáp thửa 164.

Ông Nguyễn Hữu H4 được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40 chiều dài 16,1md, 06 trụ bê tông, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây, dừa thu hoạch 01 cây, 01 cây sưa, đu đủ thu hoạch 02 cây, chuối thu hoạch 06 cây.

6. Chia cho Bà Nguyễn Thị Ng quyền sử dụng thửa 161 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100 m².

Vị trí tứ cận thửa đất:
Đông giáp thửa 162;
Tây giáp thửa 160;
Nam giáp đê bờ bắc sông Dinh;
Bắc giáp thửa 164.

Bà Nguyễn Thị Ng có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40 chiều dài 4,5md, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây, dừa thu hoạch 02 cây.

7. Chia cho Bà Nguyễn Thị H3 quyền sử dụng thửa 162 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất:
Đông giáp thửa 163;
Tây giáp thửa 161;
Nam giáp đê bờ bắc sông Dinh;
Bắc giáp thửa 164.

Bà Nguyễn Thị H3 có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: lưới B40 chiều dài 4,5md, dừa thu hoạch 02 cây, đu đủ thu hoạch 01 cây, 01 cây sưa, thanh long 04 cây/01 trụ, măng cầu ta 03 cây.

8. Chia cho Bà Nguyễn Thị Nh quyền sử dụng thửa 163 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phú Hà, diện tích 100m².

Vị trí tứ cận thửa đất:
Đông giáp thửa 85;
Tây giáp thửa 162;
Nam giáp đê bờ bắc sông Dinh;
Bắc giáp thửa 164.

Bà Nguyễn Thị Nh có quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: Trụ bê tông (05 trụ), dừa thu hoạch 02 cây, chuối thu hoạch 02 cây; trúc, tre 12 cây, vú sữa chưa thu hoạch 01 cây.

Ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh 14.750.000^d (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

9. Chia cho Ông Nguyễn Hữu H2 quyền sử dụng thửa 164 (tách ra từ thửa số 127) tờ bản đồ số 22 phường Phủ Hà, diện tích 428m². Ông Nguyễn Hữu H2 và bà Huỳnh Thị H5 có quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên thửa đất.

Vị trí tứ cận thửa đất:

Đông giáp thửa 85 và 30;

Tây giáp thửa 38;

Nam giáp thửa 160, 161, 162, 163;

Bắc giáp đường đi.

ông Nguyễn Hữu H1 có nghĩa vụ giao trả cho ông T, bà Ph, ông Th quyền sử dụng các thửa đất 157, 158, 159 theo diện tích được chia hiện ông đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Hữu H2 có nghĩa vụ giao trả cho ông H4, bà Ng, bà H3, bà Nh quyền sử dụng các thửa đất 160, 161, 162, 163 theo diện tích được chia hiện ông đang quản lý, sử dụng.

(Các thửa đất tiếp giáp đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 22, có trích lục từng thửa đất kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C600129 cấp ngày 03/12/1993 tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu B để các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Hữu H4 với ông Nguyễn Hữu H2 có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 không yêu cầu Ông Nguyễn Hữu H2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 73.205.000^d (*Bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng*), ông Nguyễn Hữu H4 số tiền 70.811.000^d (*Bảy mươi triệu tám trăm mười một ngàn đồng*), bà Nguyễn Thị H3 số tiền 72.315.000^d (*Bảy mươi hai triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng*) và bà Nh số tiền 12.893.000^d (*Mười hai triệu tám trăm chín mươi ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 mỗi người phải chịu 8.750.000^d (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ

thẩm. Riêng ông Ông Nguyễn Hữu H1 phải chịu 8.750.000^d (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 455.000^d (*Bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu số 0014323 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, ông H1 còn phải nộp số tiền 8.295.000^d (*Tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) án phí.

Ông Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu H2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Chi phí tố tụng: Thẩm định, định giá, trích đo bản đồ địa chính số tiền 4.708.000^d (*Bốn triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng*) chia phần mỗi người 523.000^d (*Năm trăm hai mươi ba ngàn đồng*). Ông Nguyễn Hữu H2, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Hữu H4 mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu H1 số tiền 523.000^d (*Năm trăm hai mươi ba ngàn đồng*).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020).

Nơi nhận:

- Đường sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND T.P PRTC(1);
- Chi cục THADS T.P PRTC(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang